

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2018

V/v tranh chấp “Yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 54, ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 54, ấp T, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu..

(Bà N, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vã. Ông T nhậu nhẹt, bạo hành bà N, ông T thiếu trách nhiệm với gia đình. Nay cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Bà N và ông T có 1 người con chung là cháu Nguyễn Nguyễn Thanh V, sinh ngày: 23/01/2012. Bà N đồng ý cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông T đồng ý với lời trình bày của bà N về quá trình ông T, bà N cưới nhau, chung sống và sinh con. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày là không đúng. Theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N muốn đi du học ở nước ngoài nhưng ông T không đồng ý nên vợ chồng cãi vả nhau. Bà N và ông T sống ly thân từ ngày 26/02/2018 đến nay. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông T thì ông T đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Bà N và ông T có 1 người con chung là cháu Nguyễn Nguyễn Thanh V, sinh ngày: 23/01/2012. Ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng để ông T nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà N và ông T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông T nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà N. Về con chung ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng để ông T nuôi con chung và bà N đồng ý thì Tòa án cần chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà N, ông T có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà N và ông T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay bà N yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu T là xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà N, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu T quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vã. Ông T nhậu nhẹt, bạo hành bà N, ông T thiếu trách nhiệm với gia đình. Còn theo ông T nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N muốn đi du học ở nước ngoài nhưng ông T không đồng ý nên vợ chồng cãi vã nhau. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà N, Tòa án đã triệu tập bà N để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà N và ông T tiếp tục sống với nhau nhưng bà N không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà N và ông T có mâu thuẫn, đã sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Bà N và ông T có 1 người con chung là cháu Nguyễn Nguyễn Thanh V, sinh ngày: 23/01/2012. Ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng để ông T nuôi con chung và bà N đồng ý. Do đó xử ghi nhận sự thỏa thuận cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng để ông T nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà N, ông T có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về quan hệ con chung: Bà N và ông T có 1 người con chung là cháu Nguyễn Nguyễn Thanh V, sinh ngày: 23/01/2012. Xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà N và

ông T cho ông T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng để ông T nuôi con chung.

Bà N được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà N, ông T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0000176 ngày 01/02/2018, bà N đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2018), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà N, ông T vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan